

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/DS-ST
Ngày 11-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tuấn Kiệt

2. Ông Lê Trường Hận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tô Hồng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 421/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-DS ngày 26/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (H1)

Trụ sở: Số B N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Văn B, chức vụ: Giám đốc chi nhánh

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông Huỳnh Văn B: Ông Dương Đức L, địa chỉ: Số G Cầu S, phường B, tỉnh Cà Mau hoặc (và) ông Huỳnh Hữu L1, địa chỉ: Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau)

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Hữu L1 trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (H1) cho bà Nguyễn Thị H vay tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 8825/24MN/HĐTD ngày

13/3/2024 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 8825/24MN/HĐTD ngày 04/4/2024, bà H có 02 lần nhận tiền vay, cụ thể như sau:

- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8825/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/3/2024, số tiền vay nhận nợ là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thu mua bán thủy hải sản và tôm nguyên liệu, lãi suất trong hạn 11.5%/năm, lãi suất trong hạn bằng 150% lãi trong hạn, trả gốc khi đến hạn, trả lãi 03 tháng/lần.

- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8825/24MN/HĐTD/KUNN02 ngày 05/4/2024, số tiền vay nhận nợ là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thu mua bán thủy hải sản và tôm nguyên liệu, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất trong hạn bằng 150% lãi trong hạn, trả gốc khi đến hạn, trả lãi 03 tháng/lần.

Tài sản thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán của các khoản vay nêu trên theo các hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp số 7228/24MN/HĐBĐ ngày 13/3/2024, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 179, tờ bản đồ số 34, diện tích 1378.5m² tọa lạc tại Khóm D, phường H, thị xã G tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm D, phường G, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 848185 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 29/02/2024. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C tỉnh Bạc Liêu ngày 13/3/2024 và đăng ký biện pháp bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ngày 13/3/2024;

Hợp đồng thế chấp số 79919/24MN/HĐBĐ ngày 04/4/2024, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 1, diện tích 628.6m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 09811 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 02/4/2024. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C tỉnh Bạc Liêu ngày 04/04/2024 và đăng ký biện pháp bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bạc Liêu ngày 04/4/2024.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ từ tháng 7/2024, đến nay các khoản vay của bà H đều đã quá hạn thanh toán. H1 nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho bà H thanh toán nợ, nhưng bà H vẫn không thanh toán. Nên nay H1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2025, cụ thể như sau:

Khoản vay phải thanh toán theo Khế ước nhận nợ ngày 14/3/2024: Nợ gốc 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 154.020.862 đồng, lãi quá hạn 125.975.342 đồng, phạt chậm trả lãi 4.191.809 đồng;

Khoản vay phải thanh toán theo Khế ước nhận nợ ngày 05/4/2024: Nợ gốc 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 98.632.192 đồng, lãi quá hạn 135.006.164 đồng, phạt chậm trả lãi 1.539.911 đồng

Tổng cộng bà H phải thanh toán số tiền 3.519.366.280 đồng (trong đó, nợ gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 252.653.054 đồng, lãi quá hạn 260.981.506 đồng, phạt chậm trả lãi 5.731.720 đồng)

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H còn phải trả lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, H1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập làm việc, thông báo thời gian thẩm định tài sản thế chấp, triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đúng quy định pháp luật, nhưng bà H đều vắng mặt, ngày 03/9/2025 bà H nộp đơn xin miễn án phí và đơn đề nghị toà án xét xử vắng mặt ghi ngày 25/8/2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn chưa đúng pháp luật. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2025 tổng cộng là 3.519.366.280 đồng (trong đó, nợ gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 252.653.054 đồng, lãi quá hạn 260.981.506 đồng, phạt chậm trả lãi 5.731.720 đồng) và tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: H1 và bà Nguyễn Thị H ký kết các hợp đồng tín dụng, mục đích vay bổ sung kinh doanh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án H1 không chứng minh được việc đăng ký kinh doanh cũng như hoạt động kinh doanh của bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là vụ án dân sự về

việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng tín dụng giữa H1 và bà Nguyễn Thị H được ký kết và thực hiện tại Chi nhánh H1, nên H1 có quyền khởi kiện vụ án tại Toà án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm đ khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 8825/24MN/HĐTD ngày 13/3/2024, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 8825/24MN/HĐTD ngày 04/4/2024, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8825/24MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/3/2024 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8825/24MN/HĐTD/KUNN02 ngày 05/4/2024, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự, tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà H đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ, H1 xác định bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên H1 khởi kiện thì bà H cũng không có ý kiến phản hồi. Do bà H vi phạm hợp đồng nên H1 khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ các khoản tiền còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2025 tổng cộng là 3.519.366.280 đồng (trong đó, nợ gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 252.653.054 đồng, lãi quá hạn 260.981.506 đồng, phạt chậm trả lãi 5.731.720 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, bà H còn phải thanh toán nợ lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp số 7228/24MN/HĐBĐ ngày 13/3/2024, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 179, tờ bản đồ số 34, diện tích 1378.5m² tọa lạc tại Khóm D, phường H, thị xã G tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm D, phường G, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 848185 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 29/02/2024. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C tỉnh Bạc Liêu ngày 13/3/2024 và đăng ký biện pháp bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ngày 13/3/2024; Hợp đồng thế chấp số 79919/24MN/HĐBĐ ngày 04/4/2024, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1009, tờ bản đồ số

1, diện tích 628.6m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 09811 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 02/4/2024. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C tỉnh Bạc Liêu ngày 04/04/2024 và đăng ký biện pháp bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bạc Liêu ngày 04/4/2024.

Căn cứ vào Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 05/8/2025, qua khảo sát thực tế thì tài sản bà **Nguyễn Thị H** thế chấp cho H1, có đặc điểm sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 179, tờ bản đồ số 34, diện tích 1378.5m² tọa lạc tại Khóm D, phường H, thị xã G tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm D, phường G, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 848185 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 29/02/2024 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 1, diện tích 628.6m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 09811 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 02/4/2024. Hiện trạng là đất trống, có các cây cỏ tự mọc, hiện do bà H đang quản lý sử dụng, hiện trạng không thay đổi so với thời điểm ký thế chấp.

Hợp đồng thế chấp do các bên tự nguyện ký kết, đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của các bên, được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật. Cho nên, trong trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì H1 có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.350.000 đồng, yêu cầu khởi kiện của H1 được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí này. Do H1 đã tạm ứng trước nên bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho H1 số tiền 2.350.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nhưng bà H có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm đ khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1

Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100, Điều 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2025 tổng cộng là 3.519.366.280 đồng (trong đó, nợ gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 252.653.054 đồng, lãi quá hạn 260.981.506 đồng, phạt chậm trả lãi 5.731.720 đồng). Kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì buộc bà H giao tài sản thế chấp để Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định, đối với tài sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 179, tờ bản đồ số 34, diện tích 1378.5m² tọa lạc tại Khóm D, phường H, thị xã G tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm D, phường G, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 848185 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 29/02/2024; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 1, diện tích 628.6m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 09811 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 02/4/2024.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 2.350.000 đồng. Do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp tạm ứng trước nên bà H có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 2.350.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí. Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí, Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp tạm ứng án

phí số tiền 49.026.000 đồng theo Biên lai thu số 0000587 ngày 10/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau) nay được hoàn lại toàn bộ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6, Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt